TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HSST
Ngày 18 tháng 3 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc

2. Bà Đinh Thị Phúc

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/HSST ngày 13/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 28/02/2020 đối với:

- *Bị cáo:* Lê Văn P sinh năm 1993; nơi sinh tỉnh Lâm Đồng; tên gọi khác: không; đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn Đ, thị trấn D, huyện N, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: không ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn D sinh năm 1957 và bà Võ Thị S sinh năm 1959; anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất là bị cáo; vợ con: chưa có; tiền án: ngày 11/12/2012 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm tù về tội: *"Cướp giật tài sản; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*; ngày 27/11/2017 Tòa án nhân dân huyện huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*; tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/10/2007 Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lâm Đồng ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng; ngày 10/05/2011 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"*; bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2019 đến nay; bị cáo bị tạm giam có mặt.

- *Bị hại:* Ông Đặng Hữu T sinh năm 1961; địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Minh K sinh năm 1986; địa chỉ: số 281/3, đường P, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 09/10/2019, bị cáo Lê Văn P thuê taxi do ông Nguyễn Tấn Đ sinh năm 1993, trú tại Phường 11, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng điều khiển đi từ thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đến chùa Hương Yên tại xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông Đặng Hữu T làm trụ trì, mục đích bị cáo P muốn gặp ông T để hỏi mượn tiền. Khi đến nơi ông Đ đậu xe chờ ở bên ngoài còn bị cáo P một mình đi bộ vào trong chùa. Khi vào trong phòng khách của chùa, bị cáo P thấy trên bàn có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone7 128G màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng 128G. Quan sát thấy không có ai, P lấy trộm 02 chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi quay ra xe taxi về thành phố Đ. Chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng bị cáo P đem đến cửa hàng điện thoại di động ở số 187, đường P, Phường 2, thành phố Đ do ông Phạm Minh K làm chủ bán với giá 2.000.000 đồng. Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone7 128G màu đen bị cáo P cất giữ trong người. Qua công tác điều tra truy xét, Cơ quan điều tra đã xác định bị cáo P là đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên tiến hành bắt giữ P đồng thời thu hồi 02 chiếc điện thoại trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 137/KL – HĐĐG ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá đã xác định: 01 điện thoại di động Iphone7 128G màu đen trị giá 5.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone7 128G màu hồng trị giá 8.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 13.000.000 đồng.

Về vật chứng: 02 chiếc điện thoại sau khi định giá đã trả lại cho bị hại ông Đặng Hữu T, ông T không có yêu cầu gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Minh K yêu cầu được bồi thường số tiền đã mua điện thoại là 2.000.000 đồng, hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 13/01/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Lê Văn P về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hành quyền công tố rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo từ điểm g khoản 2 Điều 173 xuống khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù; buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Phạm Minh K 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 09/10/2019, tại chùa H thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo Lê Văn P đã lợi dụng sơ hở trong việc trông coi quản lý tài sản của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của ông Đặng Hữu T.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 137/KL – HĐĐG ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá đã xác định: 01 điện thoại di động Iphone7 128G màu đen trị giá 5.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone7 128G màu hồng trị giá 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 13.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không khiếu nại các kết luận định giá tài sản, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn P phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại. Bị cáo là người có sức khỏe, nhưng vì lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo là đối tượng có nhiều tiền án, ngày 11/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm tù về tội: *"Cướp giật tài sản; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*; ngày 27/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Bị cáo phạm tội mới khi chưa được xóa án tích nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 04/10/2007 Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng; ngày 10/05/2011 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa, xét thấy: Ngày 27/11/2017 bị cáo P bị Tòa án nhân dân huyện huyện Đ,

tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm đối với bị cáo, đến ngày 09/10/2019 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản giá trị 13.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình Sự là tội phạm ít nghiêm trọng, không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù là có căn cứ, đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, góp phần phòng ngừa chung.

[6] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đã thu hồi trả lại cho bị hại 02 chiếc điện thoại, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Minh K yêu cầu được bồi thường số tiền đã mua điện thoại mà bị cáo P bán là 2.000.000 đồng, tại phiên tòa bị đồng ý bồi thường, do đó buộc bị cáo phải bồi thường trả cho ông K số tiền 2.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho ông K theo quy định.

[10] Đối với Nguyễn Tấn Đ khi chở bị cáo P đến chùa H sau đó chở bị cáo quay lại thành phố Đ, Đạt không biết bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; đối với Phạm Minh K là người mua điện thoại do bị cáo bán nhưng K không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, vì vậy không xem xét trách nhiệm của Đ và K trong vụ án này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 10/10/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Lê Văn P phải bồi thường cho ông Phạm Minh K 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Văn P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có QL, NV liên quan;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *CAND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *THA HS;*
- *Lưu VP, HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm